

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI TRE VIỆT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI TRE VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAMBOO TRADING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BAMBOO TRADING INVESTMENT.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108946307

3. Ngày thành lập: 15/10/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 5, Tòa nhà FLC Landmark Tower, Đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Cung cấp các ứng dụng viễn thông chuyên dụng như theo dõi hoạt động vệ tinh, đo xa và các trạm rada; Cung cấp truy cập Internet thông qua các mạng kết nối giữa khách hàng và ISP nhưng không do ISP sở hữu và vận hành, như truy cập Internet quay số (dial-up); Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại Internet); (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	6190
2.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
3.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
4.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
5.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
6.	Phá dỡ	4311
7.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
8.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
9.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
10.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
11.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
12.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
13.	Xuất bản phần mềm (trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820

14.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế, văn phòng, dệt, may, da giày, điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);	4659
16.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
17.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
18.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
19.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4530
20.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh	4669
21.	Hoạt động viễn thông có dây (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	6110
22.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
23.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
24.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
25.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc - Hoạt động đo đạc và bản đồ - Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác	7110
26.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh, loại trừ xuất nhập khẩu dầu thô, dầu đã qua chế biến và nhập khẩu thuốc lá, xì gà, báo, tạp chí, vật phẩm lưu trữ thông tin đã ghi âm, ghi hình	8299
28.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
29.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
30.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
31.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
32.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

33.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (loại nhà nước cho phép) Chi tiết: Loại trừ thuốc lá	4620
34.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Loại trừ đường mía và đường củ cải	4632
35.	Bán buôn đồ uống	4633
36.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
37.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Loại trừ bán buôn sách, báo	4649
38.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Loại trừ thuốc lá, xì gà, gạo, đường mía và đường củ cải	4711
39.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Loại trừ gạo	4721
40.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Loại trừ đường mía và đường củ cải	4722
41.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
42.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
43.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh (loại nhà nước cho phép) Chi tiết: Bán lẻ băng, đĩa trắng trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
44.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
45.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (loại nhà nước cho phép)	4764
46.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
47.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (loại nhà nước cho phép)	4773
48.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4791
49.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
50.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
51.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
52.	Hoạt động thú y	7500
53.	Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên (chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	9103

54.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
55.	Đại lý du lịch	7911
56.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
57.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
58.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
59.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Dịch vụ tư vấn giáo dục; Dịch vụ tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên	8560
60.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4799
61.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
62.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
63.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
64.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
65.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
66.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
67.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
68.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
69.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che.v.v...; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề)	9329
70.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
71.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
72.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
73.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
74.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
75.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
76.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
77.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
78.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
79.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

80.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
81.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	5223
82.	Bốc xếp hàng hóa	5224
83.	Bưu chính (Chỉ hoạt động kho được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	5310
84.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Không bao gồm xuất khẩu lao động và giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động) Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
85.	Cung ứng lao động tạm thời (Không bao gồm xuất khẩu lao động và giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)	7820
86.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Không bao gồm xuất khẩu lao động và giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)	7830
87.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
88.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
89.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
90.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
91.	Sản xuất than cốc	1910
92.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
93.	Khai thác quặng sắt	0710
94.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Dịch vụ khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke);	5510
95.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
96.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
97.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Loại trừ: kim loại quý	4662
98.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
99.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn gỗ cây, tre, nứa, sản phẩm gỗ sơ chế, sơn và véc ni, vật liệu xây dựng như: cát, sỏi, giấy dán tường và phủ sàn, đồ ngũ kim và khoá, thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác, thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su;	4663

100.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
101.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
102.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
103.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu Chi tiết: Loại trừ sản xuất vàng miếng	2420
104.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
105.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như: Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ; - Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự; - Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện;	2599
106.	Hoạt động viễn thông không dây (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	6120
107.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
108.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
109.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
110.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
111.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4543
112.	Chuyển phát (Chỉ hoạt động kho được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	5320
113.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
114.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
115.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
116.	Xây dựng nhà để ở	4101
117.	Xây dựng nhà không để ở	4102
118.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế Chi tiết: Hoạt động bệnh viện	8610
119.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
120.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa Chi tiết: Trồng hoa	0118
121.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Loại trừ thuốc lá, xì gà, sách, báo, kim loại quý, đá quý, gạo, đường mía và đường củ cải	4719

122.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Hoạt động phân phối điện	3512
123.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
124.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
125.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610
126.	Đào tạo trung cấp (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8532
127.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình: Giao thông, công nghiệp, thủy lợi, điện, hạ tầng kỹ thuật đô thị;	4299
128.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
129.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
130.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
131.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
132.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác Chi tiết: Thăm dò quặng theo phương pháp thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất tại nơi thăm dò	0990
133.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
134.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
135.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
136.	Giáo dục nhà trẻ	8511
137.	Giáo dục mẫu giáo	8512
138.	Giáo dục tiểu học	8521
139.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
140.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
141.	Đào tạo sơ cấp	8531
142.	Đào tạo cao đẳng	8533
143.	Đào tạo đại học	8541
144.	Đào tạo thạc sỹ	8542
145.	Đào tạo tiến sỹ	8543
146.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
147.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559

148.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);	6619
149.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
150.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, ô tô vận tải	4511
151.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;	6810(Chính)
152.	Quảng cáo (loại nhà nước cho phép)	7310
153.	Lập trình máy vi tính	6201
154.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
155.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
156.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
157.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
158.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
159.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Dịch vụ nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke).	5610
160.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
161.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô (trừ ô tô chuyên dụng)	7710
162.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản;	6820

6. Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 10.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ ANH TUÂN	214-E2 tập thể Thành Công, đường Nguyễn Hồng, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.500.000	25.000.000.000	25,000	013463650	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	2.500.000	25.000.000.000	25,000		
2	LÊ VĂN SẮC	Số 55 ngõ 168 Hào Nam, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.500.000	55.000.000.000	55,000	013036925	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	5.500.000	55.000.000.000	55,000		

3	TRẦN VĂN TOÀN	Tổ dân phố Đồng 6, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.000.000	20.000.000.000	20,000	036075006841
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	2.000.000	20.000.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ VĂN SẮC

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 20/08/1949

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013036925

Ngày cấp: 09/10/2009

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 55 ngõ 168 Hà Nội, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 55 ngõ 168 Hà Nội, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội